UBND XÃ HOÀNG HOA THÁM **BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG** Số: 355 /TB-BQLDA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Hoàng Hoa Thám, ngày 01 tháng 10 năm 2026*

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp số 08 – Hưng Yên, Giai đoạn 1 (Đợt 1)

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/08/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai; số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn vương mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các Nghị Quyết số: 812/2025/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định về bảng giá đất lần đầu công bố áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 23/NQ-HĐND ngày 13/4/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Hưng Yên: số 402/QĐ-UBND về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Tiên Lữ; số 1651/QĐ-UBND ngày 28/6/2025 về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Tiên Lữ; số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc Ban hành Quy định chi tiết một số chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, số 149/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 32/2026/QĐ-UBND tỉnh Hưng Yên ngày 01/7/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên Ban hành Quyết định về việc ban hành hệ số điều chỉnh giá đất năm

2026 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 60/QĐ-UBND ngày 10/4/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp số 08 – Hưng Yên, Giai đoạn 1.

Căn cứ Công văn số 1657/SNNMT-KHTC ngày 17/9/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc thông báo giá gạo tẻ thường làm căn cứ lập phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Thực hiện Quyết định số 3004/QĐ-UBND ngày 01/10/2026 của UBND xã Hoàng Hoa Thám về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất và bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất tại xã Hoàng Hoa Thám để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp số 08 – Hưng Yên, giai đoạn 1 (Đợt 1).

1. Hồ sơ niêm yết công khai: Quyết định số 3004/QĐ-UBND ngày 01/10/2026 của UBND xã Hoàng Hoa Thám về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất và bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất tại xã Hoàng Hoa Thám để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp số 08 – Hưng Yên, giai đoạn 1 (Đợt 1).

(Có nội dung chi tiết Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư kèm theo)

2. Địa điểm niêm yết: Tại trụ sở UBND xã Hoàng Hoa Thám, điểm sinh hoạt khu dân cư nới có đất bị thu hồi (Nhà văn hóa thôn Hưng Đạo) và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của UBND xã Hoàng Hoa Thám.

3. Thời gian niêm yết: 05 ngày, từ ngày 01/10/2026 đến hết ngày 05/10/2026

4. Thời gian, địa điểm tiếp nhận ý kiến tham gia góp ý: Trong thời gian niêm yết, các tổ chức, cá nhân có ý kiến thắc mắc liên quan đến Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp số 08 – Hưng Yên, Giai đoạn 1, đề nghị gửi ý kiến đóng góp bằng văn bản hoặc trực tiếp tại Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Hoàng Hoa Thám.

Trên đây là thông báo của Ban QLDA đầu tư xây dựng xã Hoàng Hoa Thám. Kính đề nghị UBND xã Hoàng Hoa Thám, Phòng Kinh tế, phòng Văn hóa Xã hội, ban lãnh đạo thôn Hưng Đạo thông báo, tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng để các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi và các cơ quan có liên quan biết, phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:
-UBND xã (để b/c);
- Phòng Kinh tế;
- Phòng Văn hóa Xã Hội;
- Giám đốc, PGĐ Ban QLDA;
- Lưu: VT, GPMB(Đạt).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

U.B.N.D XÃ HOÀNG HOA THÁM TỈNH HƯNG YÊN
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Ngô Xuân Chính

ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ HOÀNG HOA THÁM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 3004/QĐ-UBND	*Hoàng Hoa Thám, ngày 01 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất và bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp số 08 – Hưng Yên, giai đoạn 1 (Đợt 1)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HOÀNG HOA THÁM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc Hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; Số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các Nghị quyết số: 812/2025/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định về bảng giá đất lần đầu công bố áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 23/NQ-HĐND ngày 13/4/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Hưng Yên: số 402/QĐ-UBND về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Tiên Lữ; Số 1651/QĐ-UBND ngày 28/6/2025 về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Tiên Lữ; số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành Quy định chi tiết một số chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh

Hưng Yên; số 149/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 32/2026/QĐ-UBND ngày 01/7/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định của UBND tỉnh Hưng Yên: Số 60/QĐ-UBND ngày 10/4/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp số 08 – Hưng Yên, giai đoạn 1.

Căn cứ Công văn số 1657/SNNMT-KHTC ngày 17/9/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hưng Yên về việc thông báo giá gạo tẻ thường làm căn cứ lập phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 1818/QĐ-UBND ngày 22/5/2026 của UBND xã Hoàng Hoa Thám về việc phân công công tác của Chủ tịch, các Phó chủ tịch và Uỷ viên UBND xã Hoàng Hoa Thám nhiệm kỳ 2026 -2031;

Căn cứ các Thông báo số 822/TB-UBND ngày 26/8/2026; số 848/TB-UBND ngày 27/8/2026; từ số 850/TB-UBND ngày 28/8/2026 đến số 862/TB-UBND ngày 28/8/2026; từ số 864/TB-UBND ngày 28/8/2026 đến số 870/TB-UBND ngày 28/8/2026; từ số 872/TB-UBND ngày 28/8/2026 đến số 873/TB-UBND ngày 28/8/2026; từ số 875/TB-UBND ngày 28/8/2026 đến số 879/TB-UBND ngày 28/8/2026; từ số 881/TB-UBND ngày 28/8/2026 đến số 895/TB-UBND ngày 28/8/2026; từ số 897/TB-UBND ngày 28/8/2026 đến số 902/TB-UBND ngày 28/8/2026 của UBND xã Hoàng Hoa Thám V/v thu hồi đất tại thôn Hưng Đạo xã Hoàng Hoa Thám để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp số 08 – Hưng Yên, giai đoạn 1 (Đợt 1).

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế xã tại Tờ trình số: 873 /TTr-KT ngày 30 tháng 9 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ cụ thể tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp số 08 – Hưng Yên, giai đoạn 1 (Đợt 1), cụ thể như sau:

1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất của hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất gồm:

+ Tổng số hộ phê duyệt phương án BTHT về đất: 50 hộ;

+ Tổng diện tích đất BTHT: 141.485,7 m^2 - Loại đất chuyên trồng lúa nước (LUC);

+ Tổng kinh phí BTHT về đất: 46.427.514.000 đồng;

(Bằng chữ: Bốn mươi sáu tỷ, bốn trăm hai mươi bảy triệu, năm trăm mười bốn nghìn đồng).

Trong đó:

- Kinh phí bồi thường về đất: 11.318.856.000 đồng;
- Kinh phí hỗ trợ ổn định đời sống: 1.152.090.000 đồng;
- Kinh phí hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: 33.956.568.000 đồng;

(Phụ lục số 01)

2. Phê duyệt phương án bồi thường thiệt hại về cây trồng của hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất gồm:

+ Tổng số hộ có cây trồng bị thiệt hại: 17 hộ.

+ Tổng diện tích đề nghị bồi thường là: 50.402 m^2.

+ Tổng kinh phí đề nghị phê duyệt là: 457.450.000 đồng.

(Bằng chữ: Bốn trăm năm mươi bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng.)

(Phụ lục số 02)

3. Phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ đối với từng hộ gia đình, cá nhân theo phương án từ số 01/PA-BQLDA đến số 25/PA-BQLDA ngày 14/9/2026; từ số 26/PA-BQLDA đến số 50/PA-BQLDA ngày 15/9/2026 do Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã lập.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Hoàng Hoa Thám có trách nhiệm:

- Chủ trì, phối hợp với phòng Kinh tế và các thôn liên quan phổ biến, niêm yết công khai Quyết định phê duyệt này tại trụ sở UBND xã, Nhà văn hóa thôn và điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi;
- Gửi phương án bồi thường, hỗ trợ về đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đến từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong đó ghi rõ về mức bồi thường, hỗ trợ và thời gian bàn giao đất đã thu hồi;
- Thanh toán trực tiếp tiền cho các hộ gia đình theo quy định.

2. Phòng Kinh tế xã phối hợp với Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã trong công tác thực hiện Quyết định này.

3. Các hộ gia đình, cá nhân là người có đất bị thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm nhận tiền theo Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng phòng Kinh tế xã; Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã; Giám đốc Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai số 07; Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và các hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND xã;
- Như điều 3;
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lã Anh Tuấn

PHỤ LỤC 01: PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VỀ ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số: 3004/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Hoàng Hoa Thám)

STT	HỌ VÀ TÊN (CHỒNG VÀ VỢ) HOẶC NGƯỜI THỪA KẾ HỢP PHÁP	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT NN ĐANG SD (m²)	THÔNG TIN VỀ THỬA ĐẤT THU HỒI						TÍNH HỖ TRỢ ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG			KINH PHÍ BỒI THƯỜNG	KINH PHÍ HỖ TRỢ		TỔNG TIỀN HỖ TRỢ VỀ ĐẤT (Đồng)
			SỐ TỜ BẢN ĐỒ	SỐ THỬA	LOẠI ĐẤT	DT THU HỒI TRONG QUY HOẠCH CỦA DỰ ÁN (m²)	DT THU HỒI NGOÀI QUY HOẠCH CỦA DỰ ÁN (m²)	TỔNG DIỆN TÍCH THU HỒI (m²)	TỶ LỆ % THU HỒI	SỐ THÁNG HỖ TRỢ	SỐ KHẨU NN HIỆN TẠI	BỒI THƯỜNG VỀ ĐẤT (80.000 Đồng/m2)	HỖ TRỢ ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG	HỖ TRỢ ĐÀO TẠO CHUYỂN ĐỔI NGHỀ (240.000 Đồng/m²)	
I	**HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN**					**141.467,9**	**17,8**	**141.485,7**				**11.318.856.000**	**1.152.090.000**	**33.956.568.000**	**46.427.514.000**
1	Hộ ông Phạm Văn Kế và bà Nguyễn Thị Thanh	5040,6	82	2	LUC	2.974,2		5.040,6	100,0%	12	5	403.248.000	30.600.000	1.209.744.000	1.643.592.000
			82	49	LUC	2.066,4									
2	Hộ ông Phạm Văn Hùng và bà Phan Thị Hà	2310,6	82	3	LUC	2.310,6		2.310,6	100,0%	12	3	184.848.000	18.360.000	554.544.000	757.752.000
3	Hộ ông Phạm Văn Nhanh và bà Phạm Thị Miền	2307,3	82	13	LUC	2.307,3		2.307,3	100,0%	12	3	184.584.000	18.360.000	553.752.000	756.696.000
4	Hộ bà Trần Thị Xuyến	4.312,2	82	15	LUC	3.114,9		4.312,2	100,0%	12	4	344.976.000	24.480.000	1.034.928.000	1.404.384.000
			82	16	LUC	1.197,3									
5	Hộ ông Dương Văn Dư và bà Lương Thị Giang	2589,1	82	25	LUC	2.589,1		2.589,1	100,0%	12	3	207.128.000	18.360.000	621.384.000	846.872.000
6	Hộ bà Nguyễn Thị Cốm	4200	82	26	LUC	4.200,0		4.200,0	100,0%	12	4	336.000.000	24.480.000	1.008.000.000	1.368.480.000
7	Hộ ông Phạm Văn Lâm	3013,1	82	27	LUC	3.013,1		3.013,1	100,0%	12	4	241.048.000	24.480.000	723.144.000	988.672.000
8	Hộ bà Đinh Thị Đạo	1.685,1	82	29	LUC	1.401,1		1.401,1	83,1%	12	2	112.088.000	12.240.000	336.264.000	460.592.000
9	Hộ ông Phan Văn Sáo và bà Phạm Thị Hoạt	4360	82	31	LUC	849,4		4.360,0	100,0%	12	6	348.800.000	36.720.000	1.046.400.000	1.431.920.000
			82	61	LUC	3.510,6									
10	Hộ ông Tạ Văn Hộ và bà Phạm Thị Huệ	3.478,7	82	33	LUC	3.259,7		3.259,7	93,7%	12	5	260.776.000	30.600.000	782.328.000	1.073.704.000
11	Hộ bà Phạm Thị Tình (Ví)	3.620,7	82	35	LUC	203,1		1.438,4	39,7%	6	5	115.072.000	15.300.000	345.216.000	475.588.000
			82	36	LUC	1.235,3									
12	Hộ ông Đinh Văn Thỏa và bà Hoàng Thị Nguyệt	2.800,0	82	39	LUC	2.800,0		2.800,0	100,0%	12	3	224.000.000	18.360.000	672.000.000	914.360.000
13	Hộ bà Dương Thị Phai và ông Tạ Duy Hiển	4.208,3	82	40	LUC	4.208,3		4.208,3	100,0%	12	4	336.664.000	24.480.000	1.009.992.000	1.371.136.000
14	Hộ ông Phan Văn Diễm và bà Đinh Thị Ngắm	3808,8	87	83	LUC	417,3		3.808,8	100,0%	12	4	304.704.000	24.480.000	914.112.000	1.243.296.000
			82	42	LUC	3.391,5									
15	Hộ ông Phan Văn Duệ và bà Đinh Thị Minh	4574,7	82	43	LUC	4.574,7		4.574,7	100,0%	12	6	365.976.000	36.720.000	1.097.928.000	1.500.624.000
16	Hộ bà Đinh Thị Nhường	2308,8	82	44	LUC	2.308,8		2.308,8	100,0%	12	3	184.704.000	18.360.000	554.112.000	757.176.000

STT	HỌ VÀ TÊN (CHỒNG VÀ VỢ) HOẶC NGƯỜI THỪA KẾ HỢP PHÁP	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT NN ĐANG SD (m²)	THÔNG TIN VỀ THỬA ĐẤT THU HỒI						TÍNH HỖ TRỢ ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG			KINH PHÍ BỒI THƯỜNG	KINH PHÍ HỖ TRỢ		TỔNG TIỀN HỖ TRỢ VỀ ĐẤT (Đồng)
			SỐ TỜ BẢN ĐỒ	SỐ THỬA	LOẠI ĐẤT	DT THU HỒI TRONG QUY HOẠCH CỦA DỰ ÁN (m²)	DT THU HỒI NGOÀI QUY HOẠCH CỦA DỰ ÁN (m²)	TỔNG DIỆN TÍCH THU HỒI (m²)	TỶ LỆ % THU HỒI	SỐ THÁNG HỖ TRỢ	SỐ KHẨU NN HIỆN TẠI	BỒI THƯỜNG VỀ ĐẤT (80.000 Đồng/m2)	HỖ TRỢ ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG	HỖ TRỢ ĐÀO TẠO CHUYỂN ĐỔI NGHỀ (240.000 Đồng/m²)	
17	Hộ ông Đinh Văn Cảnh và bà Phạm Thị Phương	3398,6	82	45	LUC	1.318,1		3.398,6	100,0%	12	4	271.888.000	24.480.000	815.664.000	1.112.032.000
			82	64	LUC	2.080,5									
18	Hộ ông Đinh Văn Đạt và Nguyễn Thị Diễm	1.385,2	82	48	LUC	827,2		827,2	59,7%	6	2	66.176.000	6.120.000	198.528.000	270.824.000
19	Hộ ông Vũ Văn Thái và bà Phan Thị Minh	3.149,4	82	50	LUC	2.678,4		2.678,4	85,0%	12	4	214.272.000	24.480.000	642.816.000	881.568.000
20	Hộ ông Đinh Văn Chính và bà Tạ Thị Thơm	2.800,0	82	53	LUC	2.800,0		2.800,0	100,0%	12	4	224.000.000	24.480.000	672.000.000	920.480.000
21	Hộ bà Đỗ Thị Bình (Đệ)	3.493,0	82	54	LUC	3.493,0		3.493,0	100,0%	12	5	279.440.000	30.600.000	838.320.000	1.148.360.000
22	Hộ ông Phan Văn Đình và bà Phạm Thị Phượng	1.956,0	82	55	LUC	1.956,0		1.956,0	100,0%	12	2	156.480.000	12.240.000	469.440.000	638.160.000
23	Hộ ông Lê Hữu Thúy và bà Nguyễn Thị Hào	3.840,5	82	56	LUC	3.840,5		3.840,5	100,0%	12	5	307.240.000	30.600.000	921.720.000	1.259.560.000
24	Hộ ông Đinh Xuân Trình và bà Trần Thị Luyến	4.557,0	82	57	LUC	3.927,0		3.927,0	86,2%	12	5	314.160.000	30.600.000	942.480.000	1.287.240.000
25	Hộ bà Nguyễn Thị Tuyết	4.200,4	82	58	LUC	4.200,4		4.200,4	100,0%	12	6	336.032.000	36.720.000	1.008.096.000	1.380.848.000
26	Hộ bà Nguyễn Thị Mùn (Dùng)	4.092,8	82	59	LUC	3.525,5		3.525,5	86,1%	12	5	282.040.000	30.600.000	846.120.000	1.158.760.000
27	Hộ ông Đào Duy Chự và bà Phạm Thị Thoái	1.442,2	82	60	LUC	1.086,2		1.086,2	75,3%	12	2	86.896.000	13.770.000	260.688.000	361.354.000
28	Hộ ông Đào Duy Tiên và bà Hoàng Thị Vường	4050,2	82	65	LUC	3.233,4		4.050,2	100,0%	12	4	324.016.000	24.480.000	972.048.000	1.320.544.000
			82	72	LUC	816,8									
29	Hộ bà Trương Thị Soan (Hựu)	2053,5	82	66	LUC	2.053,5		2.053,5	100,0%	12	4	164.280.000	24.480.000	492.840.000	681.600.000
30	Hộ ông Tạ Quang Thái và bà Đặng Thị Mận	4262	82	67	LUC	4.262,0		4.262,0	100,0%	12	6	340.960.000	36.720.000	1.022.880.000	1.400.560.000
31	Hộ ông Lương Văn Chương và bà Nguyễn Thị Hòa	3.209,5	83	285	LUC	2.080,3	17,8	3.209,5	100,0%	12	5	256.760.000	30.600.000	770.280.000	1.057.640.000
			82	71	LUC	1.111,4									
32	Hộ ông Phan Văn My và bà Nguyễn Thị Thúy	2240,4	82	73	LUC	2.240,4		2.240,4	100,0%	12	4	179.232.000	24.480.000	537.696.000	741.408.000
33	Hộ ông Phan Văn Trị và Phạm Thị Ly	1120	82	78	LUC	1.120,0		1.120,0	100,0%	12	2	89.600.000	12.240.000	268.800.000	370.640.000
34	Hộ ông Phan Văn Quận và bà Nguyễn Thị Lâm	1890,3	82	80	LUC	1.890,3		1.890,3	100,0%	12	2	151.224.000	12.240.000	453.672.000	617.136.000

STT	HỌ VÀ TÊN (CHỒNG VÀ VỢ) HOẶC NGƯỜI THỪA KẾ HỢP PHÁP	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT NN ĐANG SD (m²)	THÔNG TIN VỀ THỬA ĐẤT THU HỒI						TÍNH HỖ TRỢ ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG			KINH PHÍ BỒI THƯỜNG	KINH PHÍ HỖ TRỢ		TỔNG TIỀN HỖ TRỢ VỀ ĐẤT (Đồng)
			SỐ TỜ BẢN ĐỒ	SỐ THỬA	LOẠI ĐẤT	DT THU HỒI TRONG QUY HOẠCH CỦA DỰ ÁN (m²)	DT THU HỒI NGOÀI QUY HOẠCH CỦA DỰ ÁN (m²)	TỔNG DIỆN TÍCH THU HỒI (m²)	TỶ LỆ % THU HỒI	SỐ THÁNG HỖ TRỢ	SỐ KHẨU NN HIỆN TẠI	BỒI THƯỜNG VỀ ĐẤT (80.000 Đồng/m2)	HỖ TRỢ ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG	HỖ TRỢ ĐÀO TẠO CHUYỂN ĐỔI NGHỀ (240.000 Đồng/m²)	
35	Hộ ông Tạ Văn Hoa và bà Nguyễn Thị Nối	2390,3	82	81	LUC	2.390,3		2.390,3	100,0%	12	4	191.224.000	24.480.000	573.672.000	789.376.000
36	Hộ ông Dương Văn Chính	2800,4	82	82	LUC	2.800,4		2.800,4	100,0%	12	4	224.032.000	24.480.000	672.096.000	920.608.000
37	Hộ bà Nguyễn Thị Hiền (Luân)	4409,1	82	83	LUC	4.409,1		4.409,1	100,0%	12	4	352.728.000	24.480.000	1.058.184.000	1.435.392.000
38	Hộ ông Đinh Văn Cao và bà Dương Thị Nga	2240,7	82	84	LUC	2.240,7		2.240,7	100,0%	12	4	179.256.000	24.480.000	537.768.000	741.504.000
39	Hộ bà Đào Thị Gái	4200,2	82	87	LUC	4.200,2		4.200,2	100,0%	12	6	336.016.000	36.720.000	1.008.048.000	1.380.784.000
40	Hộ ông Phan Văn Tháp	3389,9	82	90	LUC	3.389,9		3.389,9	100,0%	12	5	271.192.000	30.600.000	813.576.000	1.115.368.000
41	Hộ bà Dương Thị Phương (Hay)	1890,6	82	91	LUC	1.890,6		1.890,6	100,0%	12	2	151.248.000	12.240.000	453.744.000	617.232.000
42	Hộ ông Phan Văn Chiều và bà Lương Thị Hoan	1806	82	92	LUC	1.175,2		1.175,2	65,1%	6	3	94.016.000	9.180.000	282.048.000	385.244.000
43	Hộ ông Đào Đức Thắng và bà Hoàng Thị Thắm	2077,3	82	94	LUC	2.077,3		2.077,3	100,0%	12	3	166.184.000	18.360.000	498.552.000	683.096.000
44	Hộ bà Phan Thị Sợi	3679,4	82	95	LUC	3.325,4		3.325,4	90,4%	12	5	266.032.000	30.600.000	798.096.000	1.094.728.000
45	Hộ ông Dương Văn Trình và bà Hoàng Thị Hợp	2363,6	82	96	LUC	1.823,6		1.823,6	77,2%	12	4	145.888.000	24.480.000	437.664.000	608.032.000
46	Hộ bà Lương Thị Phấn	1340,1	82	98	LUC	1.340,1		1.340,1	100,0%	12	2	107.208.000	12.240.000	321.624.000	441.072.000
47	Hộ ông Tạ Văn Sơn và bà Đào Thị Thi	3242,2	82	99	LUC	3.242,2		3.242,2	100,0%	12	5	259.376.000	30.600.000	778.128.000	1.068.104.000
48	Hộ ông Phan Văn Tuyển và bà Phạm Thị Huệ	1341,6	82	102	LUC	1.341,6		1.341,6	100,0%	12	2	107.328.000	12.240.000	321.984.000	441.552.000
49	Hộ ông Đinh Văn Vần và bà Phạm Thị Thang	1890,6	82	103	LUC	1.890,6		1.890,6	100,0%	12	3	151.248.000	18.360.000	453.744.000	623.352.000
50	Hộ ông Dương Văn Đoàn và bà Nguyễn Thị Tân	1457,1	82	110	LUC	1.457,1		1.457,1	100,0%	12	2	116.568.000	12.240.000	349.704.000	478.512.000
II	**TỔNG KINH PHÍ**														**46.427.514.000**
Số tiền bằng chữ: Bốn mươi sáu tỷ, bốn trăm hai mươi bảy triệu, năm trăm mười bốn nghìn đồng chẵn./.															

PHỤ LỤC 02: PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI VỀ CÂY TRỒNG TRÊN ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số: 3004/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Hoàng Hoa Thám)

STT	HỌ VÀ TÊN (CHỒNG VÀ VỢ) HOẶC NGƯỜI THỪA KẾ HỢP PHÁP	THÔNG TIN VỀ THỬA ĐẤT THU HỒI				THÔNG TIN VỀ CÂY TRỒNG TRÊN ĐẤT		TỔNG TIỀN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ (Đồng)
		SỐ TỜ BẢN ĐỒ	SỐ THỬA	LOẠI ĐẤT	TỔNG DT THU HỒI THEO QUY HOẠCH CỦA DỰ ÁN (m^2)	LOẠI CÂY TRỒNG	DIỆN TÍCH CÂY TRỒNG BỊ THIỆT HẠI (m^2)	
1	Hộ ông Phạm Văn Kế và bà Nguyễn Thị Thanh	82	2	LUC	2.974,2	Cây nhãn	5.040,6	1.925.000
		82	49	LUC	2.066,4			
2	Hộ ông Phạm Văn Hùng và bà Phan Thị Hà	82	3	LUC	2.310,6	Cây nhãn	2.310,6	41.750.000
3	Hộ ông Phạm Văn Nhanh và bà Phạm Thị Miền	82	13	LUC	2.307,3	Cây nhãn	2.307,3	13.300.000
4	Hộ bà Trần Thị Xuyến	82	15	LUC	3.114,9	Cây nhãn	4.312,2	39.150.000
		82	16	LUC	1.197,3			
5	Hộ ông Phan Văn Sáo và bà Phạm Thị Hoạt	82	31	LUC	849,4	Cây nhãn	4.360,0	36.575.000
		82	61	LUC	3.510,6			
6	Hộ ông Phan Văn Duệ và bà Đinh Thị Minh	82	43	LUC	4.574,7	Cây nhãn	4.574,7	53.700.000
7	Hộ bà Đinh Thị Nhường	82	44	LUC	2.308,8	Cây nhãn	2.308,8	28.875.000

8	Hộ bà Đỗ Thị Bình (Đệ)	82	54	LUC	3.493,0	Cây nhãn	3.493,0	11.450.000
9	Hộ ông Phan Văn Đình và bà Phạm Thị Phượng	82	55	LUC	1.956,0	Cây nhãn	1.956,0	9.375.000
10	Hộ ông Đào Duy Tiên và bà Hoàng Thị Vường	82	65	LUC	3.233,4	Cây nhãn	4.064,5	30.425.000
		82	72	LUC	831,1			
11	Hộ ông Lương Văn Chương và bà Nguyễn Thị Hòa	83	285	LUC	2.379,8	Cây nhãn	3.491,2	57.300.000
		82	71	LUC	1.111,4			
12	Hộ ông Phan Văn Trị và Phạm Thị Ly	82	78	LUC	1.192,3	Cây nhãn	1.192,3	57.250.000
13	Hộ ông Đinh Văn Cao và bà Dương Thị Nga	82	84	LUC	2.240,7	Cây nhãn	2.240,7	10.200.000
14	Hộ bà Dương Thị Phương (Hay)	82	91	LUC	1.890,6	Cây nhãn	1.890,6	5.625.000
15	Hộ ông Đào Đức Thắng và bà Hoàng Thị Thắm	82	94	LUC	2.077,3	Cây nhãn	2.077,3	7.700.000
16	Hộ bà Phan Thị Sợi	82	95	LUC	3.325,4	Cây nhãn	3.325,4	24.775.000
17	Hộ ông Dương Văn Đoàn và bà Nguyễn Thị Tân	82	110	LUC	1.457,1	Cây nhãn, chuối	1.457,1	28.075.000
TỔNG					**50.402**			**457.450.000**
Số tiền bằng chữ: Bốn trăm năm mươi bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng chẵn./.								